

Số: 983/2026/QĐST - DS

Phúc Thịnh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04/08/2026 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 555/2026/TLST - DS ngày 14 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 04/08/2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1).**

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Ngô Chí D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn Đ** - Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân (Theo Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025).

Người nhận ủy quyền lại của ông Nguyễn Văn Đ: **Ông Vương Văn T, ông Phạm Minh P** - Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số: 17755474/2026/UQN-VPB ngày 16/03/2026).

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Quốc A**, sinh năm 1987.

CCCD: 001087054843; cấp ngày 19/12/2021.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, thành phố Hà Nội.

Hiện đang bị tạm giam tại: Trại tạm giam số 2, Công an thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quốc A: **Chị Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1980; CCCD: 001180034572, cấp ngày 25/04/2026; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ gốc và lãi:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V và người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quốc A xác nhận: Anh Nguyễn Quốc A còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày ngày 27/7/2026 là: 2.361.126.840 đồng, trong đó nợ gốc là: 2.127.273.196 đồng, nợ lãi là: 233.853.644 đồng (gồm: lãi trong hạn là: 7.655.612 đồng; lãi quá hạn là: 209.354.559 đồng, phạt chậm trả lãi là: 10.012.580 đồng và lãi thẻ tín dụng là: 6.830.893 đồng), cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2501064738862 ngày 11/01/2025, Khế ước nhận nợ ngày 17/01/2025, Phụ lục hợp đồng 01/PLHĐ: Anh Nguyễn Quốc A nợ tổng số tiền là: 1.872.675.470 đồng, trong đó nợ gốc: 1.699.999.996 đồng và nợ lãi trong hạn: 1.136. 439 đồng, nợ lãi quá hạn: 163.498.754 đồng chậm trả lãi: 8.040.281 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2501064738862 ngày 11/01/2025, Khế ước nhận nợ ngày 15/04/2025, Phụ lục hợp đồng 02/PLHĐ: Anh Quốc A nợ tổng số tiền là: 409.144.395 đồng, trong đó nợ gốc: 366.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn: 5.377.693 đồng, nợ lãi quá hạn: 36.196.397 đồng và phạt chậm trả lãi: 1.570.305 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1: CFCC2511131585555 ngày

14/11/2025: Anh Quốc A nợ tổng số tiền là: 52.478.053 đồng, trong đó nợ gốc: 41.275.171 đồng và nợ lãi trong hạn: 1.141.480 đồng, nợ lãi quá hạn: 9.659.408 đồng và phạt chậm trả lãi: 401.994 đồng.

+ Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/01/2025: 26.828.922 đồng, trong đó nợ gốc: 19.998.029 đồng và nợ lãi và phí dịch vụ: 6.830.893 đồng.

Các bên thỏa thuận, anh Nguyễn Quốc A đồng ý trả Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nêu trên theo lộ trình sau:

+ Lần 1: Chậm nhất vào ngày 04/09/2026, anh Nguyễn Quốc A trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 700.000.000 đồng.

+ Lần 2: Chậm nhất vào ngày 02/10/2026, anh Nguyễn Quốc A trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại.

2. Về tiền lãi phát sinh: Anh Nguyễn Quốc A tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi, lãi phát sinh và các chi phí khác theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày 28/07/2026 đến khi tất toán khoản vay.

3. Trường hợp anh Nguyễn Quốc A không thực hiện hoặc vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sở hữu Căn hộ chung cư số 1615A, diện tích 42m² tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 18, Tòa nhà L26, Lô đất B3-CT03, Dự án Khu đô thị G, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là: xã G, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DP 333937, sổ vào sổ cấp GCN VP05852 do Văn Phòng Đ2 cấp ngày 09/11/2024 cho anh Nguyễn Quốc A (Hợp đồng thế chấp Số công chứng 190/2025 Quyền số 01/2025 TP/CC -SCC/HĐGD ký ngày 11/01/2025 tại Văn phòng C).

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của anh Nguyễn Quốc A đối với Ngân hàng TMCP V. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V thì anh Nguyễn Quốc A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là: 79.222.536 đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% án phí là: 39.611.268 đồng. Các bên thỏa thuận, anh Nguyễn Quốc A nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 39.611.268 đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 37.840.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009128 ngày 14/04/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

III. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7- Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng

